

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và kết phiên tăng điểm nhẹ

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

## [Thông tin doanh nghiệp]

HPG, VIC

## [Quan điểm đầu tư]

V#KBSectorBulletBody

17/02/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,059.31	+0.10
VN30	1,053.72	-0.15
HĐTL VN30F1M	1,049.00	-0.30
HNXIndex	209.95	-0.42
HNX30	363.71	-0.83
UPCoM	78.94	-0.90
USD/VND	23,725	+0.28
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.18	-0
Lãi suất qua đêm (%)	4.51	-11
Dầu (WTI, \$)	76.82	-2.13
Vàng (LME, \$)	1,820.76	-0.85



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,059.31 (+0.10%)  
**KLGD (triệu CP)** 429.2 (+9.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 324.2 (-9.3%)

TTCK Việt Nam biến động giằng co và kết phiên tăng điểm nhẹ trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bất động sản với thanh khoản tăng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng tại STB (+2.1%), HPG (-1.4%), DXG (+0.0%).

**HNXIndex** 209.95 (-0.42%)  
**KLGD (triệu CP)** 60.1 (-13.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 38.6 (-17.6%)

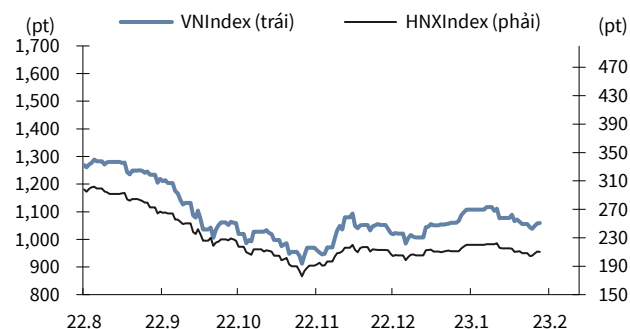
Cả năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu gạo ước tính đạt 7.17 triệu tấn, tương đương 3.49 tỷ USD, tăng 14.9% về khối lượng và 6.2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái. Giá cổ phiếu ngành nông nghiệp tăng giá ở LTG (+4.56%), NSC (+0.54%)

**UPCoM** 78.94 (-0.90%)  
**KLGD (triệu CP)** 38.5 (+25.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 12.2 (-27.5%)

Theo báo cáo của Hiệp hội Thép Việt Nam, trong quý 4/2022, tiêu thụ thép thành phẩm đạt gần 6 triệu tấn, giảm 20% so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi đó, giá thép xuất khẩu giảm mạnh và sản lượng xuất khẩu cũng không còn đột biến như cùng kỳ. Cổ phiếu thép giảm giá ở HPG (-1.41%), HSG (-2.21%)

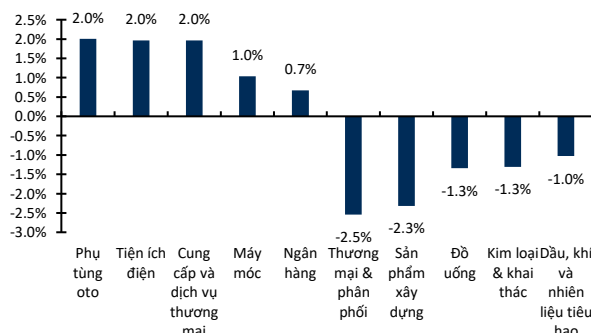
**ĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -0.1

## VNIndex & HNXIndex



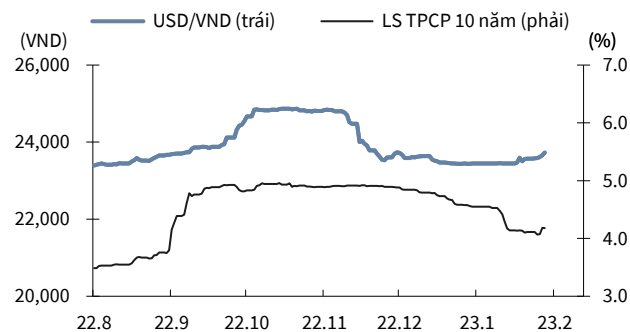
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



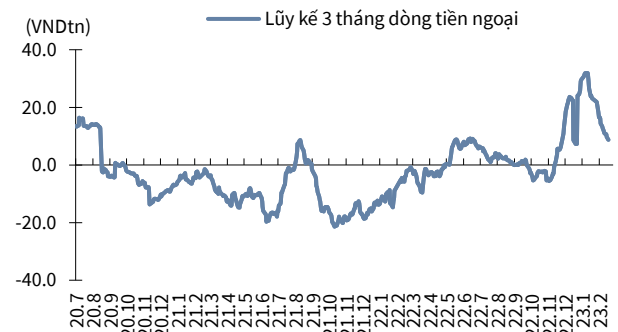
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



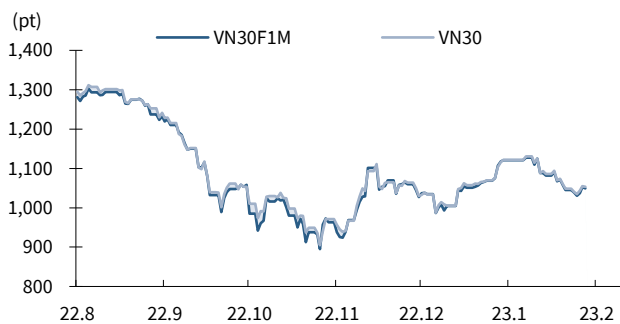
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,053.72 (-0.15%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,049.0 (-0.30%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,051.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,052.6</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,040.5</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>295,851 (+5.5%)</b>

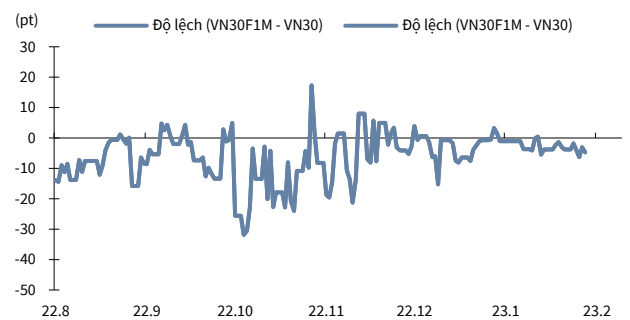
Các HĐTL đồng loạt giảm điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch F2303 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -4.36 điểm, sau đó biến động trong biên độ -7 điểm suốt phiên và đóng cửa tại -4.72 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

## HĐTL VN30F1M & VN30



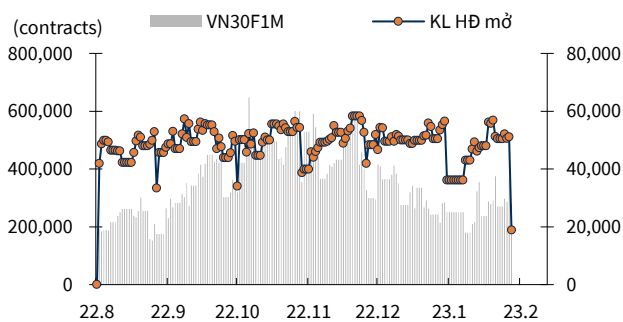
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



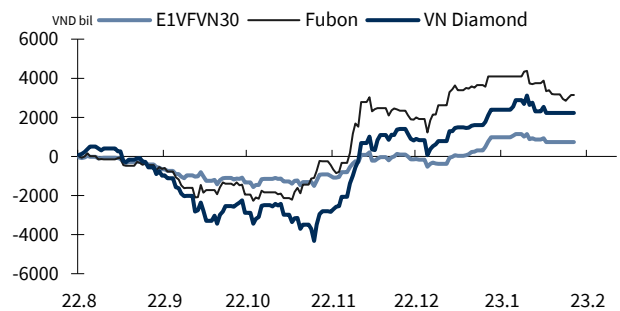
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

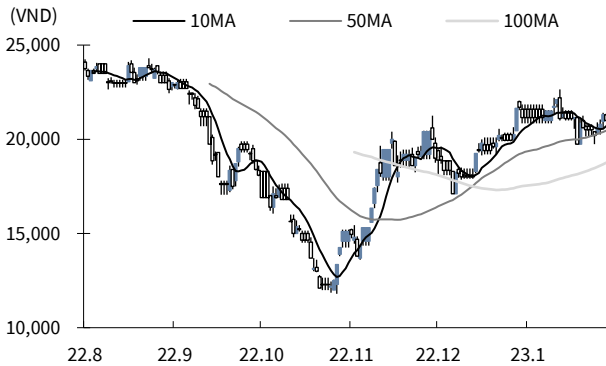
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

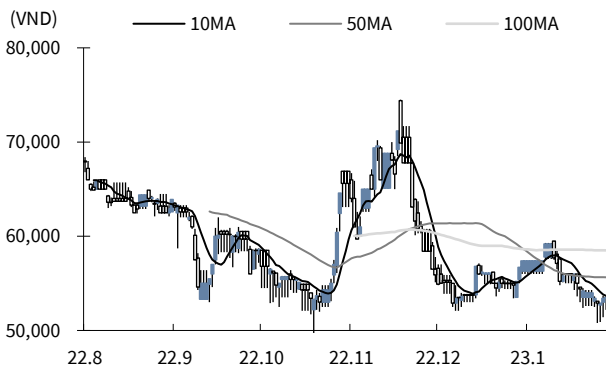


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm 1.41% xuống 21,000 VND/cp

- V#DailyFocusTextLight Tập đoàn Hòa Phát đang xem xét khởi động lại 3 lò cao còn lại trong nửa đầu năm 2023. Trước đó, HPG đã bắt đầu khởi động lại một lò cao ở Hải Dương và nâng công suất thép thanh thêm 700,000 tấn/năm.

## Tập đoàn Vingroup - CTCP (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC tăng 0.19% lên 53,500 VND/cp

- VinFast chính thức nhận được giấy phép khởi công xây dựng giai đoạn 1 nhà máy tại Mỹ và sẽ sớm bắt đầu tiến hành. Cụ thể, cơ quan quản lý tại Bắc Carolina đã cấp giấy phép về môi trường để công ty bắt đầu xây dựng nhà máy lắp ráp xe điện trị giá 4 tỷ USD.

16/02/2023

# CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

## Chờ đợi sự hồi phục của thị trường Bất động sản

Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên  
nguyenn1@kbsec.com.vn

**Doanh thu thuần 4Q2022 giảm 42%, LNST ghi nhận quý thứ 2 liên tiếp thua lỗ**

Doanh thu 4Q2022 đạt 25,826 tỉ VND (-42% YoY) với khoản lỗ 1,992 tỉ VND (-127% YoY). Sản lượng tiêu thụ đạt 1,756,000 tấn (-31% YoY) trong bối cảnh các doanh nghiệp Bất động sản gặp nhiều khó khăn về thanh khoản, ảnh hưởng tới hoạt động xây dựng. Doanh thu lũy kế đạt 141,409 tỉ VND (-6% YoY), LNST đạt 8,444 tỉ (-76% YoY) với 2H2022 lỗ 3,784 tỉ VND. Trong 4Q2022, HPG ghi nhận 970 tỉ doanh thu tài chính nhờ việc tỉ giá VNDUSD hồi phục trong những tháng cuối năm.

**HPG chủ động cơ cấu vốn lưu động, tối ưu dòng tiền chuẩn bị cho những khó khăn trước mắt**

4Q2022, dòng tiền hoạt động kinh doanh của HPG đạt 5,440 tỉ nhờ giảm tồn kho và thu hồi các khoản phải thu ngắn hạn, qua đó, thay đổi vốn lưu động của HPG đạt 7,506 tỉ VND (+107% so với 3Q2022). Nợ vay ngắn hạn và dài hạn dc tiết giảm (-12% qoq) sẽ giúp giảm chi phí lãi vay trong 2023. Với việc tạm dừng hoạt động 4/7 lò cao tại Hải Dương và Dung Quất 1, HPG sẽ hưởng tới việc tối ưu chi phí sản xuất và cải thiện biên lợi nhuận.

**Giá nguyên liệu đầu vào tiếp tục tăng trong 2T2023**

Giá quặng sắt và than cốc tăng lần lượt 23% và 15% từ đầu 4Q2022 tới nay, trong khi giá bán thép mới chỉ tăng tương ứng khoảng 8% do nhu cầu tiêu thụ nội địa sụt giảm, khiến biên lợi nhuận của HPG suy giảm mạnh (trong 4Q2022 biên lãi gộp đạt -3% so với 21% cùng kỳ 2021).

**Khuyến nghị NẮM GIỮ với HPG, giá mục tiêu 23,700 VND/cổ phiếu**

Chúng tôi ước tính doanh thu và LNST của HPG 2023F đạt 126,770 tỉ VND (-10% YoY) và LNST đạt 3,799 tỉ VND (-55% YoY). Kết hợp 2 phương pháp định giá P/E và EV/EBITDA, chúng tôi xác định giá mục tiêu của HPG là 23,700 VND/cổ phiếu.

## NẮM GIỮ

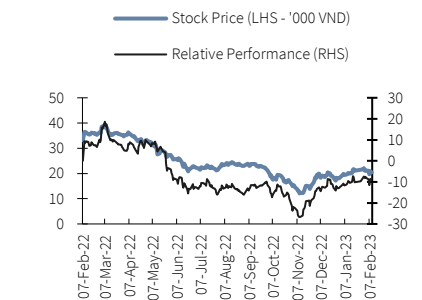
<b>Giá mục tiêu</b>	<b>23,700</b>
Tăng/giảm	15%
Giá hiện tại	20,800
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/ti USD)	120,948/5.15

<b>Dữ liệu giao dịch</b>	
Tỉ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	613/26
Sở hữu nước ngoài (%)	22%

<b>Biến động giá cổ phiếu (%)</b>	<b>1M</b>	<b>3M</b>	<b>6M</b>	<b>12M</b>
Tuyệt đối	4	69	-14	-38
Tương đối	3	58	2	-9

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-End	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỉ VND)	149,680	141,409	126,770	133,430
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỉ VND)	37,008	9,794	4,470	14,735
Lợi nhuận sau thuế (tỉ VND)	34,521	8,444	3,799	12,515
EPS (VND)	7,166	1,459	653	2,154
Tăng trưởng EPS (%)	163%	-80%	-55%	230%
P/E (x)	2.03	13.8	7	7
P/B (x)	2.5	1.2	1.2	1.1
ROE (%)	46%	9%	4%	12%
Tỷ lệ cổ tức tiền mặt	5%	0%	0%	0%



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen và hình thành mẫu nến doji trung tính về cuối phiên.
- Sau khi tiếp cận vùng kháng cự đáng lưu ý quanh 1060 (+-5), đà hồi phục của chỉ số đang có phần chững lại trước áp lực chốt lời ngắn hạn gia tăng. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua áp lực rung lắc giằng co trong các phiên tới và rủi ro quay trở lại xu hướng giảm điểm vẫn đang có phần lấn át.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trading trong các nhịp hồi sớm.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1070 - 1075

Kháng cự gần: 1057 - 1061

Hỗ trợ gần: 1041 - 1044

Hỗ trợ xa: 1033 - 1035

- F1 giảm điểm giằng co trong phiên trước khi hồi phục và lấy lại một phần thành quả đã mất về cuối phiên
- Sau khi tiếp cận vùng kháng cự đáng lưu ý quanh 1060 (+5), đà hồi phục của chỉ số đang có phần chững lại trước áp lực chốt lời ngắn hạn gia tăng. F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua áp lực rung lắc giằng co trong các phiên tới và rủi ro quay trở lại xu hướng giảm điểm vẫn đang có phần lấn át.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các vùng kháng cự nhưng đặt STOP chặt

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

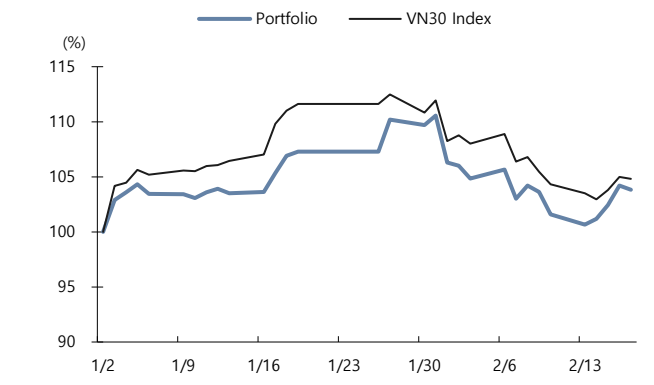
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.15%	-0.36%
Tăng lũy kế (YTD)	4.83%	3.82%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/02/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	43,250	-0.1%	11.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	19,450	-0.3%	-7.2%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,000	0.5%	44.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	23,850	-0.6%	-2.7%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	14,300	-1.0%	-16.4%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	81,600	0.0%	236.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,650	-0.2%	56.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	107,200	-0.6%	46.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,000	-1.4%	88.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	24,000	0.2%	133.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	0.2%	19.4%	23.6
VCI	-0.2%	22.3%	18.1
HSG	-2.2%	8.7%	16.4
SSI	-0.3%	43.5%	15.9
BID	1.8%	17.2%	14.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
STB	2.1%	30.0%	-55.1
HPG	-1.4%	23.6%	-62.6
DXG	0.0%	26.6%	-5.5
CTG	-0.2%	28.1%	-26.8
SHB	0.0%	6.1%	-12.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.5%	19.6%	3.2
IDC	-2.4%	0.9%	2.1
SHS	-2.3%	6.6%	1.7
HUT	0.0%	1.5%	1.2
CEO	0.0%	2.4%	1.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
THD	0.5%	0.8%	-0.2
NVB	0.0%	8.9%	-0.1
VCS	-1.0%	3.1%	-0.0
TVD	0.0%	3.2%	-0.0
IPA	3.4%	0.5%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	8.2%	PVD, PVT
Bao bì & đóng gói	7.4%	TDP, SVI, MCP, TPC
Phụ tùng oto	6.6%	DRC, CSM, PAC, TNC
Kim loại & khai thác	3.0%	HPG, HSG, NKG, KSB
Bán lẻ hàng chuyên dụng	2.8%	MWG, FRT, CTF, HAX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-2.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-2.4%	TNH, JVC, VMD
Thiết bị điện	-1.9%	GEX, SAM, CAV, RAL
Quản lý & phát triển bất động sản	-1.4%	VHM, VIC, NVL, BCM
Giấy & lâm sản	-1.4%	DHC, HAP, HHP, VID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	7.5%	PVD, PVT
Dược	7.4%	DHG, IMP, TRA, DBD
Giấy & lâm sản	6.3%	DHC, HAP, HHP, VID
Sản xuất điện	5.7%	POW, VSH, GEG, TMP
Bán lẻ hàng chuyên dụng	5.6%	MWG, FRT, CTF, HAX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-7.2%	TLG, ILB, APC, ST8
Quản lý & phát triển bất động sản	-4.7%	VHM, VIC, NVL, BCM
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-4.4%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Ngành chưa phân loại	-4.3%	CKG, PSH, NHH, ABS
Hóa chất	-3.9%	GVR, DGC, DPM, DCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	108,821 (4.6)	22.5	33.9	31.9	14.7	5.3	5.4	1.9	1.8	0.2	-0.9	-3.1	-0.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	111,583 (4.7)	26.6	5.2	5.1	35.9	20.9	18.6	1.0	0.9	1.9	-4.6	-	-9.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	40,566 (1.7)	17.8	17.5	15.4	-7.6	10.5	11.2	1.9	1.8	0.0	0.7	-4.9	8.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	236,867 (10.1)	31.3	2.8	3.5	6.7	13.0	13.8	0.3	0.5	1.3	-	-	-16.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	47,462 (2.0)	11.6	16.1	13.2	13.7	11.3	12.6	1.6	1.5	0.0	1.1	3.7	4.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	134,782 (5.7)	13.9	9.3	7.8	-	6.4	7.4	0.5	0.5	0.0	-3.9	18.0	-12.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	96,878 (4.1)	6.3	14.0	12.8	11.7	18.7	20.1	2.7	2.3	0.6	-1.6	4.0	16.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	70,532 (3.0)	12.7	11.4	9.3	-5.3	19.1	19.7	1.9	1.6	1.8	6.6	1.9	18.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	107,561 (4.6)	0.0	4.5	3.9	14.3	17.6	17.4	0.7	0.6	-0.4	3.2	-4.1	7.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	89,745 (3.8)	1.4	7.5	6.2	50.3	17.9	18.8	1.2	1.0	-0.2	1.9	-3.1	8.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	351,233 (14.9)	0.0	6.8	5.8	18.8	16.1	16.0	1.0	0.9	-1.1	-1.1	-	-3.4
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	168,513 (7.2)	0.0	4.3	3.8	14.6	22.6	21.1	0.8	0.7	-0.8	-1.1	-6.7	5.8
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	43,160 (1.8)	4.2	5.2	4.4	23.3	21.1	20.4	1.0	0.8	-0.3	1.7	7.0	15.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	496,701 (21.1)	14.0	7.4	4.9	26.5	19.1	20.2	1.0	0.8	2.1	3.2	-8.1	8.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	207,288 (8.8)	0.0	5.8	4.5	37.4	18.7	18.0	1.0	0.8	-0.6	1.3	3.7	13.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	50,242 (2.1)	0.2	-	-	27.3	14.6	14.9	-	-	4.7	0.4	-	-17.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	27,760 (1.2)	21.0	16.5	14.5	15.8	10.4	10.7	1.7	1.5	0.6	1.2	3.7	8.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,576 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.9	7.0	11.9	24.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	290,273 (12.4)	55.4	16.5	13.2	-3.2	8.1	10.2	-	-	-0.3	2.4	-4.7	9.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	152,057 (6.5)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.2	1.3	-9.9	15.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	100,482 (4.3)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.6	2.1	1.3	21.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	322,858 (13.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.0	3.2	-9.1	7.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	133,232 (5.7)	42.1	16.7	15.4	4.0	29.7	30.9	4.6	4.4	-0.7	0.1	-6.1	-0.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	17,332 (0.7)	36.9	21.2	18.3	7.3	22.7	23.2	4.4	3.9	-1.4	-1.2	0.1	12.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	58,293 (2.5)	16.5	24.7	18.1	-51.9	12.4	16.9	3.9	3.4	-1.7	0.1	-6.4	-1.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	12,701 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	1.7	-2.5	2.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	27,190 (1.2)	11.0	32.3	18.9	-88.5	13.0	26.1	-	-	-0.2	0.6	-7.2	-6.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	38,540 (1.6)	10.8	15.0	16.0	-57.0	18.0	12.6	1.9	1.8	-0.2	-1.0	8.5	14.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	46,156 (2.0)	38.4	20.0	8.3	65.7	3.0	7.3	0.6	0.6	0.7	0.7	-7.5	4.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	152,923 (6.5)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-1.1	-5.5	-7.9	4.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	10,838 (0.5)	3.6	16.2	9.9	-52.4	1.9	3.1	0.3	0.3	0.9	-1.1	-7.4	6.5
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	31,912 (1.4)	0.0	10.2	9.0	-4.5	14.6	14.7	1.4	1.3	0.3	-0.4	3.2	-0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	29,924 (1.3)	46.1	15.3	14.3	-17.5	21.5	20.2	3.2	2.8	-0.6	1.0	2.9	5.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,680 (0.8)	31.4	9.7	9.0	-10.5	17.8	21.4	1.9	-	1.9	4.6	2.4	1.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,311 (0.1)	34.1	8.3	5.3	-5.1	11.7	17.5	-	-	0.7	-1.3	5.0	16.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	574,763 (24.5)	18.0	11.2	8.2	21.9	11.7	14.8	1.2	1.0	-1.4	2.4	-3.0	16.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	78,626 (3.3)	36.5	5.9	9.6	-0.5	18.8	12.8	1.0	1.0	-2.4	-9.2	-9.4	-11.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	66,312 (2.8)	46.5	7.1	8.3	-4.5	17.9	14.2	1.2	1.2	-0.2	0.6	-3.4	-4.3
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	250,468 (10.6)	38.9	13.8	7.6	67.9	6.1	10.0	0.8	0.7	-2.2	7.6	5.8	34.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	35,690 (1.5)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.1	-1.0	12.2	21.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,515 (1.2)	4.6	15.7	14.0	-51.0	12.4	12.9	2.0	1.9	-1.0	0.8	3.3	21.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	86,917 (3.7)	39.9	29.3	15.2	-11.9	4.1	5.5	0.9	0.8	-0.2	8.6	5.3	23.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	44,011 (1.9)	35.9	7.7	6.8	2.2	14.4	15.3	1.0	0.9	-0.5	7.4	-0.2	-7.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	127,304 (5.4)	0.0	11.1	8.7	14.4	19.8	23.1	2.2	1.8	-0.1	2.7	0.5	0.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	46,188 (2.0)	0.0	13.2	11.6	2.4	22.3	22.1	2.6	2.1	0.5	-0.4	-5.7	-7.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	598 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	2.1	11.2	7.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	78,811 (3.4)	30.3	20.3	16.0	-75.2	20.7	21.9	3.8	3.1	1.0	3.2	12.1	7.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	22,572 (1.0)	34.6	8.7	7.9	41.2	22.5	24.0	1.7	1.4	0.0	1.1	-0.5	6.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,886 (0.1)	45.4	12.8	12.6	10.7	21.6	20.8	2.6	2.4	-0.7	1.9	11.6	15.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	75,396 (3.2)	0.0	14.3	11.9	15.5	27.8	29.3	3.4	3.0	0.0	1.1	-0.5	6.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên phân tích cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
Nguyennd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuannnd@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Uyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.